

BẢN ÁN SỐ: 07 /2019/ HS-ST

NGÀY: 26/02/2019.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán sơ cấp - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hằng.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Dương Thanh B và Ông Giáp Đức Sơn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thủy - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên Tòa:** Ông Trần Văn Mạnh – Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 26/02/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2019/HS-ST ngày 01/02/2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-HS ngày 14/02/2019 đối với bị cáo:

**Nguyễn Thị T**, sinh năm 1980. Tên gọi khác: Không có. Giới tính: Nữ.

- Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 01/12; Bố đẻ: Nguyễn Văn T (đã chết); họ và tên mẹ: Cao Thị X (đã chết); Gia đình có 04 chị em, bản thân là thứ nhất; Chồng: Tô Vĩnh T (đã chết); Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Chưa có.

- Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/11/2018 đến ngày 01/12/2018. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – Có mặt tại phiên tòa.

**\* Bị hại:** Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1952 – (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Quốc B, sinh năm 1977 – (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn T, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

2. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1944 – (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Bị cáo Nguyễn Thị T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang truy tố về hành vi phạm tội như sau:

- Khoảng 13 giờ ngày 26/11/2018, Nguyễn Thị T, sinh năm 1980 ở Thôn T, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang đi xe mô tô, biển kiểm soát 98H9- 4178 của anh Nguyễn Quốc B, sinh năm 1977 (là bạn trai của T) từ nhà đến nhà bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1952 ở Thôn H, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang chơi. Khi đến nơi thấy cửa xếp bên ngoài nhà bà K hé mở, T mở cửa đi vào trong ra phía sân gọi bà K nhưng không thấy ai trả lời. Quan sát thấy có chìa khoá để ở cạnh chân cột hiên nhà chính, T nảy ý định mở khoá cửa vào bên trong trộm cắp tài sản. T mở cửa chính đi vào trong nhà thấy có 01 tủ quần áo kê ở sát tường phía bên tay phải tính từ cửa đi vào có cánh tủ bên trái mở. T đi đến lục soát được 01 chùm chìa khoá ở đáy ngăn tủ, tiếp đến T dùng chìa khoá mở được cánh tủ bên phải thấy có nhiều quần áo treo thì T lục soát thấy ở một túi áo có nhiều tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và ở đáy ngăn tủ có 01 hộp nhựa màu hồng bên trong có nhiều nhẫn và dây chuyền vàng. T trộm cắp toàn bộ số tiền và hộp vàng cất giấu trong người rồi khoá tủ, khoá cửa và để chìa khoá ở vị trí cũ đi về. Khi về nhà T bỏ tài sản trộm cắp của bà K ra kiểm tra thấy: Có 6.000.000 đồng tiền mặt gồm 12 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng; bên trong hộp nhựa màu hồng có 01 dây chuyền vàng đính mặt đá màu xanh, 01 nhẫn vàng mặt vuông, 01 nhẫn vàng đính đá màu xanh, 04 nhẫn vàng tròn trơn (trong đó có 03 nhẫn nhỏ bằng nhau, 01 nhẫn to).

Tại Kết luận giám định số 6730/C09 (P4) ngày 29/11/2018 của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an kết luận: 01 dây chuyền kim loại màu vàng, mặt dây chuyền có gắn 01 viên đá hình bầu dục màu xanh ngọc, xung quanh mặt đá có viền kim loại màu vàng gắn các viên đá nhỏ không màu có tổng khối lượng 31,70 gam; 01 nhẫn kim loại màu vàng, mặt nhẫn có gắn 01 viên đá hình bầu dục màu xanh ngọc có tổng khối lượng 10,81 gam; 01 nhẫn kim loại màu vàng mặt vuông, mặt trong nhẫn có khắc chữ “VN MP\*3C” có khối lượng 11,25 gam; 01 nhẫn tròn trơn kim loại màu vàng, mặt trong nhẫn có khắc chữ “Hưng Huệ 2C” có khối lượng 7,50 gam và 03 nhẫn tròn trơn kim loại màu vàng, mặt trong mỗi nhẫn đều có khắc chữ “Hưng Huệ 1C” có tổng khối lượng 11,25 gam đều là vàng (AU); hàm lượng trung B AU: 99.98%.

Tại Kết luận định giá tài sản số 94/ KL- HĐ ngày 27/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Lạng Giang định giá: 03 nhẫn vàng tròn trơn, mỗi nhẫn có trọng lượng 01 chỉ có giá 10.440.000 đồng; 01 nhẫn vàng tròn trơn trọng lượng 02 chỉ có giá 6.960.000 đồng; 01 nhẫn vàng mặt vuông trọng lượng 03 chỉ có giá 10.440.000 đồng; 01 nhẫn vàng đính đá màu xanh trọng lượng 02 chỉ có giá 6.960.000 đồng; 01 dây chuyền vàng mặt đá có tổng trọng lượng 07 chỉ có giá 24.360.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 18/CT-VKS-LG ngày 01/02/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang truy tố Nguyễn Thị T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần tranh luận, sau khi đánh giá tính chất vụ án, nhân thân cũng như mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Đại diện VKSND Huyện Lạng Giang vẫn giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị HĐXX: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 BLHS phạt bị cáo T từ 24 đến 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 5 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, miễn phạt bổ sung bằng tiền đối với T. Ngoài ra vị đại diện VKS còn đề nghị HĐXX xử lý về vật chứng và án phí của vụ án.

- Bị cáo Nguyễn Thị T không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quốc B trình bày đã được nhận lại toàn bộ tài sản của mình đủ và không có yêu cầu thêm gì khác đối với bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của KSV, ý kiến của bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1]** Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lạng Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

**[2] Việc đánh giá chứng cứ:** Tại phiên tòa, qua xét hỏi bị cáo Nguyễn Thị T đã thừa nhận: Hồi 13 giờ ngày 26/11/2018, tại nhà bà Nguyễn Thị K ở Thôn H, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, T đã có hành vi trộm cắp của bà K: 6.000.000 đồng tiền mặt; 03 nhẫn vàng tròn trơn, mỗi nhẫn có trọng lượng 01 chỉ trị giá 10.440.000 đồng; 01 nhẫn vàng tròn trơn trọng lượng 02 chỉ trị giá 6.960.000 đồng; 01 nhẫn vàng mặt vuông trọng lượng 03 chỉ trị giá 10.440.000 đồng; 01 nhẫn vàng đính đá màu xanh trọng lượng 02 chỉ trị giá 6.960.000 đồng; 01 dây chuyền vàng mặt đá có

tổng trọng lượng 07 chỉ trị giá 24.360.000 đồng. Tổng trị giá toàn bộ tài sản T trộm cắp là **65.160.000 đồng**.

Lời khai nhận tội của bị cáo được chứng minh bằng đơn trình báo, lời khai của người bị hại cùng tang vật chứng đã thu hồi trả cho người bị hại, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với thời gian địa điểm xảy ra tội phạm. Như vậy HĐXX có đủ cơ sở kết luận Nguyễn Thị T đã phạm tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bản cáo trạng số 18/QĐ-KSĐT ngày 01/02/2019 của VKSND huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang đã truy tố đối với Nguyễn Thị T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

### **[3] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội và biện pháp xử lý:**

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo đã lợi dụng vào sự sơ hở của người bị hại để thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của họ. Hành vi phạm tội của bị cáo không những đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Do đó phải xử phạt đối với bị cáo để giáo dục riêng, phòng ngừa tội phạm chung trên địa bàn.

- *Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS đối với bị cáo, HĐXX thấy:*

+ Về tình tiết tăng nặng: Không có.

+ Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo xuất thân từ thành phần lao động, phạm tội đầu thú, đã tự nguyện hoàn trả tài sản khắc phục hậu quả cho bị hại, được người bị hại có đơn đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy cần áp dụng điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Từ các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên, sau khi phân tích đánh giá nhân thân của bị cáo, HĐXX xét thấy: Bị cáo mặc dù có sự quen biết với bị hại, nhưng do lòng tham khi thấy chủ nhà có sự sơ hở đã lợi dụng lúc chủ nhà vắng mặt để lén lút chiếm đoạt tài sản của họ, đối với tài sản trị giá 60.160.000 đồng mà bị cáo chiếm đoạt của gia đình bà Nguyễn Thị K, lẽ ra cần phải bắt bị cáo cách ly khỏi xã hội một thời gian cần thiết để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành con người làm ăn lương thiện. Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa thể hiện: Hiện tại bị cáo đồng thời đang phải điều trị và đều có sổ điều trị dài hạn với các loại bệnh: Viêm gan vi rus B mãn tính và bệnh HIV/AIDS đang phải điều trị nội trú định kỳ 1 tháng/lần tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang, bản thân bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, gia đình có địa chỉ nơi cư trú rõ ràng, Người bị hại có đơn đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xin cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang cũng đề nghị

HĐXX cho bị cáo được hưởng án treo. Do vậy HĐXX cân nhắc chiều cố cho bị cáo và không cần thiết bắt bị cáo phải cách ly khỏi xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để bị cáo có điều kiện điều trị bệnh theo sổ điều trị của Bệnh viện, xét cũng đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt. Áp dụng Điều 65 BLHS đối với T.

**[4] Về hình phạt bổ sung:** Ngoài hình phạt chính, lẽ ra cần áp dụng khoản 5 Điều 173 BLHS phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo số tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước. Xong xét thấy hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, bị mắc bệnh nan y đang phải điều trị hàng tháng tại Bệnh viện nên HĐXX miễn phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo, thể hiện tính nhân đạo pháp luật XNCN.

**[5] Việc xử lý vật chứng:** Cơ quan điều tra đã thu giữ toàn bộ tài sản gồm 16.410.000 đồng trong đó có 5.400.000 đồng là của T trộm cắp của bà K; Còn lại số tiền 11.010.000 đồng, 01 vòng vàng có chữ “TS 3C ba chỉ”, 01 nhẫn tròn trơn vàng có chữ “Hung Huệ 2 C” ở ví màu xanh là tài sản của anh Nguyễn Quốc B, sinh năm 1977 (bạn trai của T) gửi T giữ hộ. Ngày 06/12/2018 Cơ quan điều tra đã trả lại tiền và vàng cho bà Nguyễn Thị K. Ngày 25/12/2019, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh B số tiền 11.010.00 đồng, 01 vòng vàng 03 chỉ và 01 nhẫn 02 chỉ; trả lại cho T chứng minh thư nhân dân.

- Số tiền 1.000.000 đồng Cơ quan điều tra đã niêm phong gửi Kho bạc Nhà nước huyện Lạng Giang và 01 ví màu xanh, là tài sản cá nhân của bị cáo không liên quan gì đến hành vi phạm tội nên cần áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại cho bị cáo, song cần tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

**[6] Về trách nhiệm dân sự:** Trong giai đoạn điều tra cơ quan điều tra đã thu giữ tiền, vàng do T trộm cắp của bà K tại gia đình bị cáo T và đã ra quyết định trả lại tài sản cho bà Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị T đã bồi thường thêm cho bà K số tiền 1.600.000 đồng. Bà K đã nhận lại tài sản và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho T, không yêu cầu T phải bồi thường thêm gì. Do vậy HĐXX không xem xét.

Đối với chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 98H9- 417, quá trình điều tra đã làm rõ là tài sản của anh B, khi T đi đến nhà bà K trộm cắp thì anh B không biết nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Tại phiên tòa hôm nay bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Tuy nhiên đã được Tòa án T hành tổng đạt giấy báo phiên tòa đầy đủ, hợp lệ, do vậy quyền lợi đã được đảm bảo.

**[7] Về án phí:** Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm.

**[8] Về quyền kháng cáo:** Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**1/- Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

\* Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt Nguyễn Thị T 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho UBND xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án Hình sự.

**2/- Về vật chứng:** Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

- Trả lại cho Nguyễn Thị T số tiền 1.000.000 đồng và 01 ví màu xanh, nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

**3/- Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 BLTTHS 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Nguyễn Thị T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt có 15 ngày kháng cáo, kể từ ngày nhận tổng đạt bản án vắng mặt./.

### **Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang
- CQĐT + CQTHAHS Công an LG.
- Trại tạm giam CA tỉnh BG.
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hằng**

